

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2022

V/v ly hôn, tranh chấp về

nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Phương Dung;

Ông Phạm Văn Cảnh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 330/2021/TLST - HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lưu Thị K T, sinh năm 1982; Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt

- **Bị đơn:** Ông Lê Văn D, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản hoà giải nguyên đơn bà Lưu Thị K T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Lê Văn D chung sống với nhau từ năm 2010 trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã T, huyện T (nay là thị trấn T, huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 07/8/2013. Sau khi kết hôn sống tại nhà của Bà T ở khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương nhưng vẫn qua lại bên nhà ông D. Bà T buôn bán tại nhà, ông D làm nghề tự do. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, không nói chuyện được với nhau thường xuyên cãi nhau, đã phát sinh những lần đánh nhau. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng, không thể giải quyết được. Nay bà kiên quyết ly hôn với ông Lê Văn D.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 03/8/2015. Bà T xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải bị đơn ông Lê Văn D trình bày:

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn ông thống nhất với lời trình bày của bà Lưu Thị K T. Sau khi kết hôn ông bà sống tại nhà Bà T ở khu phố 3, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Ông làm nghề tự do thu nhập bình quân 20.000.000 đồng/tháng. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do thường xuyên cãi nhau một số vấn đề trong cuộc sống nhưng không đánh nhau như Bà T trình bày. Từ khi Bà T nộp đơn ly hôn ông bà ly thân nhưng vẫn sống chung nhà, từ khoảng ngày 20/3/2022, ông chuyển ra ngoài sống. Mặc dù có mâu thuẫn gia đình nhưng ông không đồng ý ly hôn vì thương con còn nhỏ. Ông đề nghị Hội đồng xét xử cho thêm thời gian 02 tháng để vợ chồng suy nghĩ, nếu không đoàn tụ được thì ông đồng ý ly hôn với Bà T.

- Về con chung: Ông bà có 01 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 03/8/2015. Ông D xin được quyền nuôi con chung, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn do có nhiều mâu thuẫn, không hợp nhau, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng, nguyên đơn không muốn hàn gắn hôn nhân với bị đơn.

Về con chung: Xét điều kiện về nuôi con, hiện tại cháu Lê Minh H đang sống cùng nguyên đơn nên giao cho nguyên đơn nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại: xã Phước Hòa, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị K T và ông Lê Văn D chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T (nay là thị trấn T, huyện B), tỉnh Bình Dương ngày 07/8/2013. Quan hệ hôn nhân giữa Bà T và ông D là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên đơn cho rằng không còn tình cảm với bị đơn nên yêu cầu được ly hôn. Bị đơn còn thương yêu nguyên đơn nên không đồng ý ly hôn. Đề nghị Hội đồng xét xử cho thời gian 02 tháng để vợ chồng suy nghĩ.

Xét đề nghị của bị đơn không đồng ý ly hôn, đề nghị cho thời gian 02 tháng để vợ chồng suy nghĩ nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của bị đơn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 01 con chung là Lê Minh H, sinh ngày 03/8/2015. Xét các điều kiện về nuôi con, sự ổn định tâm lý của trẻ, hiện con chung đang sống ổn định với nguyên đơn nên giao con Lê Minh H cho nguyên đơn bà Lưu Thị K T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lưu Thị K T đối với bị đơn ông Lê Văn D.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Lưu Thị K T được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn D.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Minh H, sinh ngày 03/8/2015 cho bà Lưu Thị K T trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị K T không yêu cầu ông Lê Văn D cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở ông Lê Văn D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Lưu Thị K T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007845, ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mùi